

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 18 - 08 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 14/07/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HS ngày 05/8/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N T T T**; sinh ngày 25/11/1991 tại tỉnh B Ph (nay là tỉnh Đ N). Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 1, ấp 2, xã M Đ, huyện H Q, tỉnh B P (nay là xã M Đ, tỉnh Đ N). Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 11/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; con ông N Đ X, sinh năm 1964 và bà N T N H, sinh năm 1966. Bị cáo có chồng tên P V E, sinh năm 1990. Bị cáo có 02 con P N N H, sinh năm 2013, P N N H, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 08/3/2025 có hành vi cố ý gây thương tích. Ngày 10/5/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước khởi tố và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: T T N Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 7, TT T K, huyện H Q, tỉnh B Ph (nay là xã T K, tỉnh Đ N).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ng H Tr, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 6, TT T K, huyện H Q, tỉnh B Ph (nay là xã T K, tỉnh Đ N).

+ P T Th D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 7, TT T Kh, huyện H Qu, tỉnh B Ph (nay là xã T K, tỉnh Đ N).

+ P N Ê, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã M Đ, huyện H Q, tỉnh B P (nay là xã M Đ, tỉnh Đ N).

+ Ng Th T, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã M Đ, huyện H Qu, tỉnh B Ph (nay là xã M Đ, tỉnh Đ N).

+ T N T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã M Đ, huyện H Q, tỉnh B Ph (nay là xã M Đ, tỉnh Đ N).

+ P T Th H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 7, TT T K, huyện H Q, tỉnh B P (nay là xã T K, tỉnh Đ N).

+ N T X N, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp 2, xã M Đ, huyện H Q, tỉnh B Ph (nay là xã M Đ, tỉnh Đ N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 09/3/2025, anh T Ng T, sinh năm 1986, nơi thường trú: Tổ 1, ấp 2, xã Minh Đức, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tổ chức tiệc sinh nhật cho con gái là cháu T T Ng Tr, sinh năm 2013, cùng địa chỉ. Khoảng 17 giờ ngày 08/3/2025, anh Thi làm 03 bàn tiệc và mời một số người họ hàng hai bên nội, ngoại đến uống bia, rượu. Khi này, có 02 bàn tiệc được đặt trong sân nhà của anh Th, bàn thứ nhất gồm: Anh Ph V E, sinh năm 1990, N T T T, sinh năm 1991, chị N T X N, sinh năm 1991, anh Ng Th T, sinh năm 1991, cùng nơi thường trú: Ấp 2, xã M Đ, huyện H Qu, tỉnh Bình Phước và chị T T H T, sinh năm 1990, nơi thường trú: Tổ 2, ấp 3, xã Minh Tâm, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước. Bàn thứ hai gồm: Chị Tr T Ng Th, sinh năm 1988, nơi thường trú: Thôn 4, xã Lc A, huyện B L, tỉnh L Đồ(nơi ở hiện tại: Khu phố 7, thị trấn Tân Khai, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước); Anh Nguyễn Hữu Trọng, sinh năm 1979, chị P T Tha Hi, sinh năm 1995, chị Phạm Thị Thanh Dân, sinh năm 1991, cùng nơi thường trú: Khu phố 7, thị trấn T K, huyện H Q, tỉnh Bình Phước và anh L T An sinh năm 1982, nơi thường trú: KDC T H Đ, phường T Ph, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đang uống bia, rượu, do mâu thuẫn về việc chị D tự mua bia đến dự tiệc của cháu Tr nhưng nhóm của T dùng để uống nên chị D và chị Hiền cự cãi với nhóm của T. Khi này, thấy hai bên cãi nhau nên anh Tâm bức tức, đứng dậy và cầm chiếc ghế nhựa màu đỏ đang ngồi đập xuống nền bê tông nhưng không bẻ, không va đập trúng ai. Thấy vậy, nhóm chị Dân lao tới anh Tâm chuẩn bị xô xát nên T chạy lại can ngăn thì bị bà Ngu Th M Nh (mẹ của chị Dân và chị Hiền), sinh năm 1972, nơi thường trú: Khu phố 7, thị trấn Tân Khai, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước nắm tóc lôi, kéo. Bị nắm tóc, T cũng dùng tay nắm tóc bà Nhung rồi hai người giằng co với nhau. Thấy bà Nhung giằng co với T nên chị Hiền và chị Dân lao vào đẩy T té ngã xuống nền bê tông. Cùng lúc này, thấy T (vợ của anh Ê) bị đánh nên anh Ê cầm 01 cái ly thủy tinh có quai, loại dùng để uống bia, dung tích 375ml ném

về phía nhóm của chị D nhưng không trúng ai. Thấy vậy, anh Tr cầm 01 cái ly thủy tinh cùng loại ném về phía anh Ê nhưng không trúng nên tiếp tục dùng hai tay cầm 02 cái ly thủy tinh có quai, loại dùng để uống bia, dung tích 375ml trên bàn tiệc dí đuôi anh Ê. Bị dí đuôi, anh Ê chạy ra hướng đường bê tông trước nhà của anh Thi thì bị vấp ngã xuống nền đất gần gốc cây mai trong sân vườn của nhà anh T. Sau khi anh Ê té ngã, anh Trọng chạy tới ngồi trên phần bụng của anh Ê, đè anh Ê nằm cố định dưới nền đất. Lúc này, anh Trọng dùng hai tay cầm 02 cái ly thủy tinh đánh liên tục 04 cái, mỗi tay 02 cái vào vùng má trái, má phải và vùng đầu của anh Ê. Do bị đánh, anh Ê vùng vẫy nên anh Trọng dùng tay phải đang cầm ly thủy tinh bóp cổ anh Ê, đè anh Ê nằm cố định dưới nền đất, đồng thời dùng ly thủy tinh cầm bằng tay trái đánh 01 cái từ trái qua phải (theo hướng nhìn của anh Trọng) trúng vào vùng đỉnh đầu của anh Ê nhưng không bể ly. Khi này, T được anh Thi can ngăn và kéo ra khỏi đám đông, thấy anh Ê bị anh Tr đánh nên chạy lại phía bên phải anh Tr, dùng tay trái giật lấy ly thủy tinh anh T đang cầm bằng tay phải và đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào đỉnh đầu anh T thì vỡ ly, mảnh vỡ thủy tinh găm vào đầu anh T gây thương tích. Thấy anh Trọng (chồng chị Thẩm) bị T đánh, chị Thẩm chạy lao về phía T thì bị T dùng phần quai ly và một phần thân ly thủy tinh đã vỡ trước đó khi dùng để đánh anh Trọng đánh 01 cái từ trái qua phải (theo hướng nhìn của T) trúng vào vùng trán của chị Thẩm gây thương tích. Sau đó, mọi người trong đám tiệc can ngăn hai nhóm để giải quyết mâu thuẫn. Anh Ê bị đánh gây choáng bất tỉnh nên được chị T đưa đi cấp cứu đồng thời đến Công an xã Minh Đức trình báo vụ việc. Tại Cơ quan điều tra, N T T T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 84/KLTTCT-TTPY, ngày 02/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với N T T T tại thời điểm giám định là 00% (không phần trăm); Cơ chế hình thành thương tích do vật tày cứng tác động theo hướng từ trước ra sau.

- Kết luận giám định số 85/KLTTCT-TTPY, ngày 02/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Ph V Ê tại thời điểm giám định là 08% (tám phần trăm); Cơ chế hình thành thương tích do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ trước ra sau.

- Kết luận giám định số 86/KLTTCT-TTPY, ngày 03/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Ng H Tr tại thời điểm giám định là 04% (bốn phần trăm); Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc tác động theo hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới.

- Kết luận giám định số 87/KLTTCT-TTPY, ngày 03/4/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bị hại Tr T N Th tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm); Cơ chế hình thành thương tích do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ trước ra sau.

Tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 09-7-2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 Đồng Nai đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 10 Đồng Nai để xét xử bị cáo N T T T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà sơ thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo N T T T phạm tội “Cố ý gây thương tích”: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo N T T T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Bị hại Thẩm đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Đối với đôi dép tông lười, màu xanh và nhiều mảnh vỡ thủy tinh không xác định hình dạng, kích thước khác nhau, không có giá trị, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra và tại phiên tòa bị hại Th không yêu cầu bị cáo T bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo không tranh luận.

Tại phiên Tòa lời nói sau cùng, bị cáo ăn ăn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do bị cáo nuôi con nhỏ, là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước (nay là công an tỉnh Đồng Nai), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên Tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đã có lời khai trước đó nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai là đúng quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 08-3-2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an xã Minh Đức; Bản ảnh khám nghiệm hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật; các Biên bản nhận dạng ảnh; Kết luận giám định pháp y về thương tích số 87/2025/KLTTCT-TTPY ngày 03 - 04 - 2025 của Trung tâm giám định pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai). Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Ngày 08/3/2025, N T T T có hành vi cầm ly thủy tinh, loại có quai, dung tích 375ml (là hung khí nguy hiểm) đánh bà Trương Thị Ngọc Thẩm gây thương tích với tỷ

lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14% (Mười bốn phần trăm) tại tổ 1, ấp 2, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (nay là xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai). Hành vi của N T T T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của chị Thắm được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự tại địa phương.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Tuy nhiên, do mâu thuẫn nhỏ trong đám tiệc sinh nhật mà bị cáo đã đánh bị hại. Những người khác gây thương tích nhưng không có sự bàn bạc nên không có tính chất đồng phạm. Bị cáo T là người trực tiếp dùng ly thủy tinh bị bể gây ra thương tích chính cho bị hại. Bị cáo coi thường pháp luật, cố ý xâm hại sức khỏe người khác. Nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Đồng Nai truy tố các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người” quy định tại điểm a khoản 1, Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo N T T T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về sức khỏe của con người, gây mất trật tự trị an tại khu dân cư. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là bột phát, có tính chất nhỏ lẻ, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi 02 con nhỏ; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo một mức án nhất định tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, cho bị cáo T được hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách hợp lý ở mức khởi điểm mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra và tại phiên tòa bị hại chị Thắm không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với đôi dép tông lười, màu xanh và nhiều mảnh vỡ thủy tinh không xác định hình dạng, kích thước khác nhau, không có giá trị là vật chứng của vụ án; hiện không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật TTHS cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N T T T phạm tội **“Cố ý gây thương tích”**.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-05-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo N T T T 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N T T T cho Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo N T T T cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo N T T T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác bị gây thương tích nhưng có đơn không yêu cầu khởi tố nên không xem xét.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào các điểm khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy đôi dép tông màu xanh và nhiều mảnh vỡ thủy tinh không xác định hình dạng, kích thước khác nhau hiện không còn giá trị sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng số KV10/010 ngày 18/8/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Nai và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai).

4. Về trách nhiệm Dân sự: Bị hại bà Thắm không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo N T T T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; đương sự
- VKSND khu vực 10;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đỗ Đình Thuyền**

